ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 121 /QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 16 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu TTHC và khu ĐTM mới thị xã Phước Long - Công trình: Đấu nối cống thoát nước dọc và gia cố hạ lưu chống xói lở cống ngang đường ĐT741

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước; Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Báo cáo số 10/BC-STC ngày 06/01/2020; theo đề nghị của Ban QLDA xây dựng Trung tâm hành chính và khu đô thị mới thị xã Phước Long tại Tờ trình số 159/TTr-QLDA ngày 12/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

- Tên dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu TTHC và khu ĐTM thị xã Phước Long.

- Tên công trình: Đấu nối cống thoát nước dọc và gia cố hạ lưu chống xói lở cống ngang đường ĐT741.

- Chủ đầu tư: UBND thị xã Phước Long.

- Đại diện chủ đầu tư: Ban QLDA xây dựng Trung tâm hành chính và khu đô thị mới thị xã Phước Long.

- Địa điểm xây dựng: Thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Thời gian khởi công: 25/3/2018.

- Thời gian hoàn thành: 23/7/2018.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Giá trị phê duyệt quyết toán	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
1	2	3	4
Tổng số	**2.639.169.348**	**2.107.146.000**	**532.023.348**
- Vốn NSNN	2.639.169.348	2.107.146.000	532.023.348
- Vốn khác			

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
1	2	3
Tổng số	**2.818.949.486**	**2.639.169.348**
Chi phí xây dựng	2.440.156.183	2.397.498.348
Chi phí giải phóng mặt bằng	84.660.000	84.660.000
Chi phí quản lý dự án	62.726.925	21.119.000
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	134.249.798	116.438.000
Chi phí khác	22.205.162	19.454.000
Chi phí dự phòng	74.951.418	0

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không có.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi
1	2	3	4	5
Tổng số	**2.639.169.348**	**2.639.169.348**	**0**	**0**
Tài sản cố định	2.639.169.348	2.639.169.348	0	0
Tài sản ngắn hạn	0	0	0	0

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
1	2	3
Tổng số	**2.639.169.348**	
Vốn NSNN	2.639.169.348	
Vốn khác	0	

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 06/01/2020:

+ Tổng nợ phải trả: 547.577.348 đồng.

+ Tổng nợ phải thu: 15.554.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
1	2	3
UBND thị xã Phước Long	2.639.169.348	

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: Thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Kho bạc Nhà nước Bình Phước, Chủ tịch UBND thị xã Phước Long, Chủ đầu tư, đơn vị tiếp nhận tài sản, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Hằng

PHỤ LỤC
CÁC KHOẢN CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số: 121 ngày 16/01/2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Công nợ	
		Phải trả	Phải thu
1	Chi phí khảo sát, lập thiết kế BVTC-DT	36.031.000	0
2	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC-DT	5.389.000	0
3	Chi phí xây lắp + HMC	481.498.348	0
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3.705.000	0
5	Chi phí QLDA	0	15.554.000
6	Chi phí bảo hiểm	4.544.000	0
7	Chi phí thẩm tra quyết toán	2.808.000	0
8	Chi phí kiểm toán	12.102.000	0
9	Chi phí GPMB	1.500.000	0
	Tổng	**547.577.348**	**15.554.000**